

Số: 80 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện Nghị quyết 11-NQ/ĐH ngày 17/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Nghị quyết số 535/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với những nội dung chủ yếu như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Tạo sự thống nhất để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 đề ra, đảm bảo tiến độ thời gian và đạt kết quả cao nhất.

- Kế hoạch phải được triển khai quyết liệt, đồng bộ với sự nỗ lực của tất cả các cấp, các ngành, các địa phương; đồng thời, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và có sự kiểm tra, giám sát thực hiện chặt chẽ.

- Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và địa phương trong chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao, đảm bảo đạt các mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 đảm bảo tiến độ đề ra.

#### **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt:**

Các đơn vị, địa phương thường xuyên tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn quản lý để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện.

## 2. Về phát triển kinh tế

### 2.1. **Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu**

*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Triển khai thực hiện tốt Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với xây dựng kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV. Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và các giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Kiên Giang. Rà soát, nghiên cứu cụ thể hóa cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Kịp thời tham mưu cụ thể hóa hệ thống văn bản thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh tái cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường; tái cơ cấu quy mô sản xuất, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền chủ trương, chính sách khuyến khích thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát huy vai trò tiên phong của doanh nghiệp.

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô lớn gắn với kiểm soát thú y và hoạt động giết mổ tập trung, bảo đảm vệ sinh môi trường; hướng dẫn nông dân chăn nuôi theo hướng VietGAP, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi, rút ngắn thời gian nuôi, giảm chi phí giá thành chăn nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

- Thường xuyên chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng. Triển khai có hiệu quả các giải pháp ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, lấn chiếm đất rừng. Huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; nâng cao năng suất, giá trị rừng trồng; nghiên cứu phát triển, trồng tái tạo các loài cây bản địa, góp phần nâng cao độ che phủ rừng và nâng cao chất lượng rừng.

- Tập trung tái cơ cấu đội tàu đánh bắt hải sản xa bờ, giảm dần số tàu khai thác hải sản ven bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động ngư dân thực hiện tốt các quy định trong đánh bắt thủy sản; kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định, không để xảy ra tình trạng tàu cá và ngư dân của tỉnh vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp tại vùng biển nước ngoài. Chú trọng phát triển nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi hải sản trên biển gắn với chế biến, tạo giá trị gia tăng cao.

- Tập trung các nguồn lực tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi; tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hồ chứa đảm bảo chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho Nhân dân, nhất là vào mùa khô, xâm nhập mặn. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án thuộc ngành quản lý, đến năm 2025 không để tình trạng thiếu nước sinh hoạt ở nông thôn, phấn đấu hoàn thành việc giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, bền vững, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống và cải tạo, giữ gìn cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp. Tập trung thực hiện nông thôn mới nâng cao ngay từ đầu giai đoạn, làm cơ sở từng bước xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đạt mục tiêu đề ra, góp phần cải thiện điều kiện sản xuất và nâng cao chất lượng đời sống khu vực nông thôn, vùng ven biển và hải đảo.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với mô hình hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm. Xúc tiến thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác để giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất; đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa, giảm giá thành sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm thiểu ảnh hưởng của thời tiết và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

## ***2.2. Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, phát triển nhanh, bền vững, đột phá; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng***

### ***a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:***

- Tham mưu Tỉnh ủy xây dựng Chương trình về phát triển công nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025; kế hoạch thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương. Mở rộng phát triển năng lượng sạch, nhất là năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời... Tiếp tục triển khai các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp phát triển công nghiệp chế biến nông thủy sản, công nghiệp sử dụng nhiều lao động (*may mặc, giày da, điện tử...*), công nghiệp đóng, sửa chữa tàu, chế biến thực phẩm. Phát triển ổn định công nghiệp vật liệu xây dựng, gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái...; chú trọng phát triển các cơ sở công nghiệp sơ chế nông sản ở nông thôn.

- Tổ chức sắp xếp lại các ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống theo hướng chú trọng chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường, khả năng cạnh tranh gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho sản phẩm hàng hóa, nhất là các mặt hàng truyền thống; đồng thời, nghiên cứu thị trường để phát triển ngành nghề mới phù hợp với lao động và nguồn nguyên liệu tại chỗ.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch khuyến công, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục quan tâm củng cố phát triển các Hợp tác xã công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và thương mại, tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của địa phương.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp: Vĩnh Hòa Hưng Nam – Gò Quao, Hàm Ninh – Phú Quốc; Bình An – Châu Thành; tiếp tục kêu gọi đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp Hà Giang – Hà Tiên, Đông Bắc Vĩnh Hiệp – Rạch Giá.

*b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

Hỗ trợ phát triển các làng nghề đã được công nhận và tổ chức khảo sát để có kế hoạch hỗ trợ, khôi phục, công nhận và phát triển thêm một số làng nghề truyền thống.

*c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp hiện có; phối hợp với các sở ngành và các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp thực hiện tốt các hoạt động xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp theo hướng chủ động, đặc biệt là thu hút những nhà đầu tư thật sự có năng lực, dự án có công nghệ cao và thân thiện với môi trường.

*d) Các sở, ban ngành và địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao:*

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, lưới điện. Quan tâm đầu tư mở rộng, nâng cấp các tuyến đường về trung tâm các huyện, xã; các dự án biến đổi khí hậu. Từng bước hoàn thiện các tuyến giao thông quan trọng, huyết mạch, kiến nghị Bộ ngành Trung ương đầu tư phát triển đồng bộ mạng lưới giao thông như: Dự án đường cao tốc Hà Tiên – Rạch Giá – Bạc Liêu, Hồ Chí Minh, đoạn Lộ Tẻ-Rạch Sỏi quản lý vận hành theo tiêu chuẩn đường cao tốc và triển khai xây dựng đoạn Rạch Sỏi-Cà Mau; các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh; Tuyến ven biển (An Biên-An Minh; Hòn Đất-Kiên Lương; tuyến ven sông (đặc biệt ven sông Cái Lớn (cả 2 bờ)); cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ: Quốc lộ 80, 63, 61, N1 và đoạn tuyến tránh qua thành phố Rạch Giá; xây dựng các dự án liên kết vùng như Đường tỉnh ĐT.970, ĐT.963,...



- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá, Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc. Nạo vét kênh Rạch Giá-Hà Tiên, Rạch Sỏi-Hậu Giang. Hoàn thành Cảng hành khách quốc tế Phú Quốc; nâng cấp, mở rộng Cảng Bãi Vòng; Cảng tổng hợp tại Mũi Đất Đỏ và Cảng Vịnh Đầm-Phú Quốc và nâng cấp mở rộng Cảng hành khách Rạch Giá; Cảng Hòn Chông.

- Quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đầu tư nâng cấp các trường học, bệnh viện các tuyến, trạm y tế xã...

*đ) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

Tăng cường thu hút đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, Internet kết nối vạn vật. Thu hút các doanh nghiệp công nghệ thông tin chủ lực thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ, tiến tới cho nền kinh tế số, xã hội số.

**2.3. Phát triển và nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại; nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của các ngành dịch vụ du lịch có tiềm năng lợi thế; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh**

*a) Cơ cấu lại và phát triển nhanh ngành thương mại, dịch vụ*

- *Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngân sách Nhà nước; tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thu ngân sách nhà nước, khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu, thu đúng, thu đủ và kịp thời vào ngân sách đi đôi với bồi dưỡng nguồn thu, khai thác tối đa nguồn thu từ quỹ đất để tăng chi đầu tư phát triển; thực hiện tốt các quy định pháp luật, các chính sách về thuế, thu phí lệ phí. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm chi thường xuyên; thực hiện triệt để tiết kiệm chống lãng phí.

- *Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

+ Tích cực, chủ động tham gia có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do nhằm mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nhất là tuyên truyền, phổ biến về Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) đến các doanh nghiệp để tận dụng các cơ hội tăng cường xuất khẩu vào thị trường Châu Âu trong thời gian tới. Tăng cường công tác quản lý, theo dõi sát diễn biến thị trường, tham mưu điều tiết kịp thời, bảo đảm cung cầu hàng hóa, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá bất hợp lý, đặc biệt các dịp Lễ, Tết. Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm cho người sản xuất và tiêu dùng, đảm bảo thực hành sản xuất tốt, giảm tối đa các nguy cơ nhiễm bẩn, ngộ độc thực phẩm.

KIẾN GIẢ

+ Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển mạng lưới lưu thông phân phối và bán lẻ hàng hóa; coi trọng phát triển thị trường nội địa và thực hiện các giải pháp khuyến khích tiêu dùng, theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ và năng lực cạnh tranh. Tổ chức tốt các kênh phân phối vật tư, hàng tiêu dùng; các chương trình bình ổn giá, tạo điều kiện phát triển thương mại ở khu vực vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Tiếp tục triển khai tốt cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”.

+ Triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển thương mại điện tử của tỉnh; tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh. Tập trung thu hút đầu tư vào hạ tầng thương mại, nhất là các trung tâm thương mại và siêu thị ở các trung tâm huyện, thành phố trong tỉnh. Đồng thời, huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng, cải thiện hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh.

- *Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:* Mở rộng các dịch vụ bưu chính trên nền tảng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số. Tăng cường quản lý việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng và chất lượng dịch vụ viễn thông; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng cố định và băng rộng di động công nghệ 4G, 5G trên địa bàn toàn tỉnh; phát triển dịch vụ thanh toán trực tuyến qua tài khoản thuê bao điện thoại di động; duy trì số lượng thuê điện thoại cố định hiện có nhằm phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc của các tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, triển khai thúc đẩy chuyển đổi công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại - dịch vụ, thanh toán.

- *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:* Tiếp tục chỉ đạo, giám sát các Tổ chức tín dụng triển khai thực hiện các phương án, kế hoạch cơ cấu lại, xử lý nợ xấu; đa dạng hóa kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, ngân hàng. Bảo đảm tín dụng tăng trưởng phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đi đôi nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung tín dụng vào sản xuất kinh doanh, ngành, lĩnh vực ưu tiên, ngành, lĩnh vực quan trọng, then chốt của tỉnh. Tích cực phối hợp triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt và Kế hoạch thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện.

b) *Đẩy mạnh phát triển du lịch, phấn đấu trở thành ngành kinh tế đóng góp chính của tỉnh, là trung tâm du lịch của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*

*Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 16/11/2017 của Tỉnh ủy Kiên Giang về phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và Đề án phát triển các sản phẩm ngành nghề truyền thống gắn với du lịch. Phát triển du lịch tỉnh trở thành ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh; chú trọng phát triển doanh nghiệp du lịch.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp của ngành và chất lượng các sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng của tỉnh. Quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng các điểm du lịch đã được quy hoạch; tích cực kêu gọi đầu tư, phát triển các khu, tuyến du lịch sinh thái ven biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh, du lịch thám hiểm.... Quan tâm đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp nâng cấp, mở rộng các cơ sở du lịch hiện có và triển khai mới các dự án về du lịch, nhất là các dự án về lưu trú, lễ hành, thương mại, vận tải; phát triển thêm nhiều sản phẩm du lịch cấp vùng; khuyến khích phát triển, nâng cao các cơ sở dịch vụ du lịch, chất lượng phục vụ du khách; quản lý, khai thác, tổ chức tốt các dịch vụ du lịch gắn với truyền thống lịch sử - văn hóa địa phương.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư các dự án dịch vụ du lịch; phối hợp với các ngành có liên quan kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp và Nhân dân trong việc xây dựng nếp sống văn minh, bảo đảm vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh, an toàn cho khách du lịch; tạo dựng môi trường du lịch lành mạnh, văn minh, thân thiện. Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thông tin, xúc tiến, quảng bá du lịch của tỉnh.

#### ***2.4. Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh***

- *Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:* Phát triển kinh tế biển của tỉnh trên cơ sở chiến lược kinh tế biển Quốc gia; chú trọng quy hoạch, đầu tư xây dựng các đô thị, cụm dân cư ven biển; quan tâm đầu tư các dự án công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; du lịch, dịch vụ thương mại.

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

+ Triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Dự án điều tra các nghề khai thác vùng biển ven bờ và vùng lộng biển Kiên Giang; đồng thời đề xuất sắp xếp cơ cấu nghề khai thác tỉnh Kiên Giang; xây dựng đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Tập trung thu hút đầu tư khai thác lợi thế kinh tế biển: Phát triển nuôi trồng, đặc biệt là nuôi biển, chế biến và đánh bắt hải sản; nâng cao hiệu quả nghề khai thác hải sản, tập trung xây dựng các đội tàu mạnh, khai thác xa bờ và khai thác viễn dương theo chương trình hợp tác của Chính phủ, đi đôi với sắp xếp, cơ cấu lại nghề cá ven bờ; ngăn chặn, giảm thiểu và chấm dứt các hành vi khai thác hải sản bất hợp pháp, gắn với nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng an ninh; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá; xây dựng trung tâm nghề cá lớn Kiên Giang gắn với ngư trường biển Tây Nam tại huyện An Biên.

- *Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:* Phát triển du lịch và dịch vụ biển, trong đó tập trung đầu tư hạ tầng cho du lịch, nhất là các vùng du lịch trọng điểm, du lịch biển đảo, ven biển như: Phú Quốc, Kiên Hải, Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Đất, thành phố Rạch Giá. Tập trung xây dựng phát triển đảo Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển mang tầm quốc tế. Đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển, kết nối với các tuyến du lịch trong nước và quốc tế để Kiên Giang trở thành điểm đến hấp dẫn của khu vực và thế giới.

- *Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:* phát triển công nghiệp năng lượng, thúc đẩy đầu tư khai thác điện gió, điện khí, điện mặt trời,... và năng lượng tái tạo khác. Ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng an ninh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường biển, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và củng cố quốc phòng, an ninh.

## **2.5. Nâng cao chất lượng lập, quản lý và thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị và hạ tầng đô thị hiện đại**

### **a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:**

- Tăng cường quản lý trật tự xây dựng, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Hoàn thiện chương trình phát triển đô thị cho từng huyện, thành phố; xây dựng kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, làm cơ sở pháp lý cho các dự án đầu tư khu đô thị mới từng bước xây dựng các đô thị trong tỉnh theo hướng văn minh, hiện đại.

- Huy động tốt các nguồn lực để đầu tư xây dựng đảo Phú Quốc trở thành thành phố du lịch biển đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế; xây dựng thành phố Rạch Giá trở thành đô thị loại I trước năm 2025 và là đô thị trọng điểm thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng thành phố Hà Tiên trở thành đô thị kinh tế cửa khẩu quốc tế, trung tâm văn hóa-du lịch lớn của tỉnh và khu vực; xây dựng thị xã Kiên Lương là đô thị-công nghiệp có quy mô lớn và hiện đại; trung tâm du lịch cấp tỉnh. Xây dựng An Biên là đô thị vùng U Minh Thượng; Giồng Riềng là đô thị vùng Tây Sông Hậu.

### **b) Các Sở, ban ngành và địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao:**

Nâng cao chất lượng lập và quản lý, thực hiện quy hoạch, nhất là công tác lập và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tập trung hoàn thành các quy hoạch xây dựng vùng huyện, đáp ứng tiêu chí, điều kiện đạt chuẩn nông thôn mới, quy hoạch các vùng trọng điểm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hiện đại; đặc biệt là cập nhật các công trình đầu tư mới, hạ tầng kỹ thuật vùng phù hợp với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; bố trí kế hoạch sử dụng đất phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa.



## **2.6. Phát triển các thành phần kinh tế**

*a) Các Sở, ban ngành và địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao:*

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khuyến khích khởi nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân. Triển khai hiệu quả các chính sách trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận và hưởng được các chính sách đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ sản xuất và đào tạo phát triển nguồn lực, nâng cao năng suất lao động. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế tư nhân.

- Nghiên cứu, xây dựng các chủ trương, biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ doanh nghiệp theo các Nghị quyết của Chính phủ. Triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ và rà soát các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số Hiệu quả Quản trị hành chính công (PAPI). Thực hiện đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành và các huyện, thành phố trong tỉnh (DDCI). Thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp và người dân; giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp.

*b) Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Đổi mới phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã trong các ngành lĩnh vực, trọng tâm là khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tập trung xây dựng một số hợp tác xã có quy mô lớn, sản phẩm chủ lực và công nghệ để là mô hình điểm dẫn dắt các hợp tác xã trong tỉnh phát triển. Đồng thời xây dựng mới các hợp tác xã, tổ hợp phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương và yêu cầu hợp tác của từng ngành kinh tế, nhu cầu và tự nguyện của các thành viên; mở rộng ngành nghề, phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các hợp tác xã, đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển của xã viên, thu hút thêm nhiều xã viên, tăng vốn góp, vốn tích lũy; đẩy mạnh liên kết, hỗ trợ và hợp tác trong mọi lĩnh vực sản xuất, dịch vụ.

- Có chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể và khu vực hợp tác xã tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường.



## **2.7. Tăng cường quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng**

*Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Tăng cường quản lý Nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định; quản lý chặt chẽ đất công; chỉ đạo thực hiện tốt công tác định giá đất; kiểm soát chặt chẽ việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư, khai thác tốt các nguồn vốn từ giá trị quyền sử dụng đất. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, nhất là các hành vi sử dụng lãng phí tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường, chặt phá cây rừng, hủy hoại tài nguyên thiên nhiên và các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ tài nguyên môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Lồng ghép và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Chủ động các giải pháp phi công trình trong ứng phó với biến đổi khí hậu; chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng. Tăng cường chia sẻ thông tin, minh bạch, thực hiện nghiêm cơ chế liên kết vùng trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm và ngăn ngừa các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải ở các đô thị, khu dân cư; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải vào nguồn nước.

- Quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, nhất là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc. Đề án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, bờ sông, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

## **2.8. Tăng cường thu hút đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách và phát triển vùng, liên kết vùng**

*a) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động thực hiện phương án tham gia hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế và giữ vững mối quan hệ với các đối tác đã được thiết lập; tích cực tham gia Chương trình Xúc tiến thương mại Quốc gia của Bộ Công Thương để quảng bá sản phẩm hàng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia quảng bá, giới thiệu tại các Hội chợ triển lãm trong và ngoài nước.

*b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

Đẩy mạnh hoạt động thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước, nâng cao hiệu quả lựa chọn nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu đầu tư tại tỉnh. Thu hút mời gọi, chọn lọc các dự án có chất lượng, có quy mô lớn, có uy tín, có tiềm lực về tài chính, giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường và giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Chú trọng đến các dự án có quy mô nhỏ và vừa phù hợp với tiềm năng, thế mạnh và điều kiện của từng địa phương trong tỉnh. Khuyến khích Nhân dân tham gia phát triển hạ tầng theo phương thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Có cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

*c) Các Sở, ban ngành và địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao:*

- Tiếp tục thực hiện đầu tư ngân sách Nhà nước, đảm bảo bố trí vốn tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thu hút các nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo hình thức đối tác công tư (PPP); chú trọng các cơ chế, giải pháp đẩy nhanh việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, giải quyết triệt để, quyết liệt hơn trong công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch thu hút dự án đầu tư. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý đấu thầu.

- Nâng cao vai trò công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong hoạt động quản lý đầu tư theo hướng từ tiền kiểm sang tăng cường hậu kiểm. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, thanh, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi đánh giá đầu tư. Triển khai thực hiện tốt liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long; mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành trong nước, nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ, Thành phố Hà Nội... nhằm thu hút nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh, môi trường đầu tư, kinh doanh; tiếp tục cải cách thủ tục đầu tư theo hướng nhanh, gọn, minh bạch, công khai.

### **3. Phát triển văn hóa – xã hội**

#### ***3.1. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; quan tâm phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao***

*a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo và Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường. Đổi mới, nâng cao chất lượng, nội dung, cải tiến phương pháp dạy và học; chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

- Triển khai thực hiện quy định về chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo Luật Giáo dục năm 2019 sửa đổi, bổ sung. Tập trung mọi nguồn lực để triển khai chương trình Giáo dục phổ thông mới. Nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên, phổ cập giáo dục, đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp, thực hiện tốt phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0; thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân.

- Tăng cường huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ yêu cầu phát triển giáo dục. Rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại các mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống trường lớp theo hướng chuẩn hóa, đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo cho các địa bàn khó khăn và đối tượng chính sách, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp và chất lượng dạy ngoại ngữ các cấp học.

*b) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Đổi mới phương thức đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và đi sâu hơn vào chất lượng phù hợp cơ cấu lao động theo các cấp trình độ đào tạo; tăng cường sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, chủ động phối hợp với doanh nghiệp xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo phù hợp với yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp; tập trung đào tạo nghề cho lao động bằng nhiều hình thức, mở rộng hình thức dạy nghề theo hợp đồng đào tạo hoặc đặt hàng giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... đảm bảo sau khi học nghề người lao động có việc làm.

- Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo loại hình xã hội hóa. Tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin dự báo thị trường lao động và chất lượng dịch vụ việc làm.

*c) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan:*

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 – 2025. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh; thực hiện các chính sách thu hút nhân tài, để thu hút những người có trình độ khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý trong và ngoài nước về tỉnh công tác.

*d) Các Sở, ban ngành và địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao:*

- Tăng cường sự lãnh đạo các cấp ủy, quản lý của chính quyền; trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo. Tiến hành đồng bộ các cơ chế, chính sách giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; đẩy mạnh liên kết giữa cơ quan quản lý Nhà nước, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực.

- Thực hiện tốt chính sách thu hút, sử dụng, bồi dưỡng nhân tài, khuyến khích tài năng. Tăng cường đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị trường học tương xứng với mục tiêu phát triển giáo dục toàn diện; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

### **3.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực**

#### **a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:**

- Huy động mọi nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống của Nhân dân. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng gắn với sản xuất và phục vụ sản xuất, các lĩnh vực có khả năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, khai thác tiềm năng, các sản phẩm lợi thế của địa phương. Trong đó, đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách để khuyến khích thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với doanh nghiệp và phát triển theo chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế, tiềm năng và có giá trị kinh tế cao của tỉnh. Tập trung hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương; hỗ trợ các hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc tạo lập quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ, thiết bị; đồng thời thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng. Chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tăng cường năng lực tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Tăng cường liên kết, hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ. Khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ liên kết với doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực đồng thời đẩy mạnh công tác hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ để hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh thông qua việc triển khai các biện pháp huy động nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn khác cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cả về số lượng và chất lượng.

#### **b) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:**

Tăng cường đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng hạ tầng kết nối số và đảm bảo an ninh mạng, tạo điều kiện cho người dân và các doanh nghiệp thuận lợi, an toàn tiếp cận nguồn tài nguyên số.

### **3.3. Tiếp tục phát triển văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.**

#### **a) Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:**

- Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế.

- Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm xã hội, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên; tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với văn hóa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về văn hóa; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động văn hóa về cơ sở. Đẩy mạnh các giải pháp ngăn chặn có hiệu quả sự suy thoái về đạo đức, lối sống, đẩy lùi cái xấu và tệ nạn xã hội.

- Xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thông tin cơ sở, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở; tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào các hoạt động văn hóa để phát triển, sáng tạo các giá trị văn hóa mới làm phong phú thêm các giá trị đời sống tinh thần cho Nhân dân. Quan tâm công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và các lễ hội văn hóa tiêu biểu kết hợp với phát triển du lịch. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; đầu tư xây mới và khai thác có hiệu quả các cơ sở thể dục thể thao hiện có; đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn.

- Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng. Quan tâm đào tạo vận động viên trẻ, phát hiện những tài năng mới bổ sung cho đội năng khiếu, đội tuyển của tỉnh; chú trọng bồi dưỡng, phát triển thể thao thành tích cao, những bộ môn thể thao đang là thế mạnh của tỉnh. Thường xuyên đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao khu vực, quốc gia và quốc tế.

#### **b) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:**

- Thực hiện tốt công tác định hướng thông tin truyền thông trên tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền về chủ quyền biên giới biển đảo; tăng cường quản lý và phát triển các loại hình thông tin trên Internet, kiên quyết đấu tranh loại bỏ những sản phẩm, thông tin xấu độc, xuyên tạc ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong mỹ tục.

- Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông, internet để đổi mới cách thức thông tin, tuyên truyền trên địa bàn tỉnh. Hình thành và phát triển các cơ quan báo chí đa phương tiện, phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ, có khả năng cung cấp nhiều loại hình thông tin trên nhiều phương tiện khác nhau. Đầu tư, phát triển hệ thống truyền thanh công nghệ ở các xã để tuyên truyền, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân.



### **3.4. Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

*Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Triển khai thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe tiến tới bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân; đầu tư nguồn lực phát triển hệ thống y tế hoàn thiện và hiện đại; tập trung phát triển y tế dự phòng và y tế cơ sở. Tăng cường đào tạo, cải thiện chất lượng phục vụ, y đức của đội ngũ cán bộ y tế; nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh; thực hiện tốt chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế. Tiếp tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị các trạm y tế, các phòng khám đa khoa khu vực. Duy trì 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ công tác tại trạm (kể cả bác sĩ tăng cường 02 buổi/tuần). Triển khai thực hiện tốt Đề án Bệnh viện vệ tinh; thiết lập hệ thống số sức khỏe điện tử đến từng người dân. Đặc biệt chú ý thực hiện có hiệu quả mô hình Bác sĩ gia đình. Đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Chủ động và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh nguy hiểm bùng phát và diễn ra trên diện rộng, nhất là dịch bệnh Covid-19; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Nâng cao chất lượng của hệ thống giám sát tại tất cả các tuyến, cung cấp chính xác, kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về dịch tễ học, vi khuẩn học và các yếu tố liên quan làm cơ sở lập kế hoạch dự phòng và chủ động trong khống chế dịch bệnh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, khuyến khích cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước hỗ trợ các thiết bị y tế và khám chữa bệnh cho người nghèo. Khuyến khích phát triển mạng lưới y tế ngoài công lập, ưu tiên các cơ sở thực hiện kỹ thuật cao. Đẩy mạnh việc giao các tổ chức, cá nhân ngoài công lập thực hiện các dịch vụ ngoài chuyên môn y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh.

### **3.5. Bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội, đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững**

*a) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Thực hiện tốt chính sách xã hội, giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, bảo đảm ổn định và phát triển xã hội bền vững. Gắn kết chặt chẽ các chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Bảo đảm mọi người đều bình đẳng, có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện, không để ai bỏ lại phía sau.

- Triển khai thực hiện tốt các giải pháp để đảm bảo giải quyết việc làm; tổ chức tuyên truyền rộng rãi và hiệu quả các chủ trương, chính sách về giải quyết việc làm; tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động cho doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; đẩy mạnh việc đưa người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; thực hiện có hiệu quả chính sách an toàn, vệ sinh lao động.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo, các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025; thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo gắn với các chính sách an sinh xã hội tác động trực tiếp đến hộ nghèo, hộ cận nghèo về y tế, giáo dục, dạy nghề, việc làm; tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo. Thực hiện có hiệu quả các mô hình giảm nghèo bền vững, nhân rộng những mô hình, cách làm hay, biểu dương, khen thưởng những hộ nghèo thực hiện tốt các mô hình giảm nghèo, có ý chí vươn lên thoát nghèo. Tiếp tục thực hiện các chương trình hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Tổ chức triển khai, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng. Phát động phong trào Đền ơn đáp nghĩa trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và Nhân dân nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội đóng góp, chăm lo cải thiện đời sống người có công. Xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các nghĩa trang liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ; thực hiện xây dựng, sửa chữa nhà ở người có công. Quan tâm giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, kiểm soát tình hình tai nạn, bạo lực với trẻ em; giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; quan tâm bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ và cộng tác viên thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tệ nạn xã hội, kiểm soát ma túy, mại dâm; tăng cường công tác phòng ngừa, đẩy mạnh cai nghiện tự nguyện, giảm cai nghiện bắt buộc; hỗ trợ người sau cai nghiện, mại dâm, nạn nhân bị buôn bán trở về hòa nhập cộng đồng.

*b) Các Sở, ban ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao:*

- Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm, nhất là lĩnh vực đất đai và xây dựng có liên quan đến tôn giáo. Tăng cường truyền thông về thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; ưu tiên hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả về bảo vệ, chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng; mô hình thúc đẩy sự tham gia của trẻ em. Triển khai thực hiện Luật Thanh niên năm 2020. Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; đa dạng hóa truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình.





*c) Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Quan tâm toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới. Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn khoa học kỹ thuật giúp đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao hiệu quả sản xuất gắn với phát triển ngành nghề phù hợp để tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số. Phát huy hiệu quả mô hình kết nghĩa giữa Mặt trận, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị vùng đô thị, đồng bằng với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**4. Xây dựng chính quyền; cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí; giải quyết các yêu cầu, khiếu nại của công dân**

*a) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức cơ quan hành chính Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII gắn với tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Tăng cường giáo dục nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đề cao vai trò trách nhiệm của cá nhân đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp.

- Nâng cao năng lực hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước; hiện đại hóa nền hành chính; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực phẩm chất, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng nhu cầu cải cách hành chính.

*b) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Tập trung xây dựng chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Xây dựng và triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh và Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh. Xây dựng kế hoạch thực hiện kết nối liên thông các hệ thống thông tin, hạ tầng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của địa phương, doanh nghiệp; chia sẻ dữ liệu số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức phục vụ cho đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử, kinh tế số.



- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh. Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin đã được đầu tư, tiếp tục triển khai các hệ thống thông tin phục vụ tích hợp, chia sẻ và liên thông các hệ thống thông tin trong tỉnh và Trung ương. Nâng cao năng lực hệ thống hạ tầng kỹ thuật giám sát và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng.

*c) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

Tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, góp ý văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật và công tác hành chính tư pháp – hỗ trợ tư pháp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ, công chức và Nhân dân trong tỉnh, nhất là Nhân dân khu vực nông thôn. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, làm tốt hòa giải ở cơ sở, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ và Nhân dân. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

*d) Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp trong đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và ý thức tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân; thực hiện nghiêm các quy định và kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Chủ động phát hiện, xử lý và đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất, những nhiều, tiêu cực... trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh phong trào toàn dân làm việc và sống theo pháp luật, tăng cường kỷ cương, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại diện dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và báo chí trong đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

*đ) Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao:*

- Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh; tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp và công dân theo hướng tinh gọn, minh bạch, công khai để thu hút đầu tư và tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh; có cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư trên cơ sở lợi thế về phát triển kinh tế của địa phương và phù hợp với các quy định của pháp luật, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Triển khai thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Chính phủ đối với doanh nghiệp, nhất là Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.



- Tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quan trọng của các ngành, các cấp, bảo đảm khách quan, đúng quy định. Hoạt động thanh tra chuyên ngành tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội. Tăng cường phối hợp, hạn chế và xử lý kịp thời chông chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, không gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Không hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật; chủ động giải quyết dứt điểm đơn thư ngay tại cơ sở, không để khiếu kiện vượt cấp, gắn với thường xuyên kiểm tra, giải quyết có kết quả các vụ việc tồn đọng, phức tạp kéo dài.

- Chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; thanh tra, kiểm tra, giám sát các lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp, dễ phát sinh tham nhũng, như: đất đai, rừng, khoáng sản, đầu tư, xây dựng, sử dụng ngân sách nhà nước và môi trường. Chú trọng đúng mức công tác tự kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi những hành vi, biểu hiện tham nhũng, lãng phí, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng.

## **5. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng – an ninh**

*a) Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan:*

- Tập trung xây dựng và củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân; tiếp tục coi trọng xây dựng “thể trận lòng dân”; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững mạnh. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng – an ninh; trong đầu tư các dự án, công trình trọng điểm phải luôn coi trọng tính “lưỡng dụng”, vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vừa đảm bảo tốt nhiệm vụ quốc phòng – an ninh khi có tình huống. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, kiên quyết xử lý nghiêm các đối tượng chống, trốn nghĩa vụ quân sự, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm.

- Tổ chức Chương trình Tết Quân dân, các cuộc hành quân dã ngoại giúp cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, chính sách giảm nghèo,... để động viên các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân, thể trận biên phòng toàn dân, xây dựng “thể trận lòng dân” và khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc. Tập trung lãnh đạo thực hiện, hoàn thành tốt kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; nâng cao nhận thức, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cấp, mỗi ngành và Nhân dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an, biên phòng theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; thông qua đó, phát hiện, xử lý kịp thời, có hiệu quả các vụ việc; chủ động ngăn ngừa, đấu tranh đẩy lùi các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Quán triệt, thực hiện nghiêm Đề án điều chỉnh tổ chức Quân đội Nhân dân Việt Nam đến năm 2021 và Quyết định của Bộ Quốc phòng về tổ chức biên chế, ưu tiên bảo đảm quân số cho các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng cơ động theo quy định. Tập trung xây dựng cơ quan quân sự các cấp vững mạnh toàn diện; xây dựng dân quân tự vệ có số lượng đúng quy định, nhất là dân quân thường trực, cơ động, dân quân biển hoạt động có hiệu quả, thật sự là lực lượng nòng cốt khi có tình huống xảy ra tại cơ sở. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Lực lượng dự bị động viên, thực hiện tốt công tác quản lý, phúc tra, nắm nguồn đưa vào biên chế đúng chuyên nghiệp quân sự, gần địa bàn, đạt chỉ tiêu được giao, nhất là các đơn vị động viên khẩn cấp. Nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, xây dựng lực lượng vũ trang từng bước tinh nhuệ, hiện đại, có sức chiến đấu cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác chính sách Quân đội, hậu phương Quân đội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; Đề án tìm, kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ trên địa bàn tỉnh và nước bạn Campuchia.

*b) Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:*

- Nâng cao chất lượng công tác nắm, đánh giá, dự báo tình hình, chủ động xử lý, giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề, vụ việc phức tạp phát sinh ngay từ đầu và từ cơ sở theo phương châm “4 tại chỗ”; không để bị động, bất ngờ về an ninh trật tự.

- Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh tuyến biên, đảo. Tập trung đấu tranh kéo giảm các loại tội phạm, nhất là tội phạm hình sự nguy hiểm, có tổ chức và tệ nạn ma túy.

- Chủ động ngăn chặn từ xa sự xâm nhập của các nhóm “xã hội đen”, cho vay lãi nặng, đòi nợ thuê có tính chất côn đồ. Có giải pháp chủ động phòng, chống cháy nổ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; tiếp tục kiểm chế, làm giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí.

- Xây dựng nền an ninh Nhân dân, thế trận an ninh Nhân dân vững chắc, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát huy, nhân rộng các mô hình tự quản, các điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, tạo môi trường thuận lợi phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tập trung xây dựng lực lượng Công an Nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.



### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết 11-NQ/ĐH ngày 17/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Nghị quyết số 535/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 và trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này, yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh cụ thể hóa thành Kế hoạch của ngành, lĩnh vực phụ trách nhằm thực hiện đạt kết quả được giao, **trình UBND tỉnh trong quý II/2021.**

2. Căn cứ các chương trình, đề án được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh khẩn trương triển khai xây dựng, đảm bảo tiến độ, chất lượng.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của địa phương phù hợp với mục tiêu phát triển chung của tỉnh cho giai đoạn 2021-2025, thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời hướng dẫn giao nhiệm vụ cụ thể đến UBND cấp xã.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc các đơn vị có liên quan triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đảm bảo tiến độ và chất lượng. Kịp thời rà soát, tổng hợp, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 của UBND tỉnh Kiên Giang, yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ các nội dung của Kế hoạch, tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện các công việc có liên quan và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh. Những nội dung vượt thẩm quyền, báo cáo và có ý kiến đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để chỉ đạo xử lý kịp thời. *uue*

**Nơi nhận:**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể);
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT, pxquyet (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lâm Minh Thành**

**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2021 - 2025	Kế hoạch các năm				
				2021	2022	2023	2024	2025
<b>I</b>	<b>VỀ KINH TẾ</b>							
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	7,24	6,01	6,59	7,54	7,79	8,31
	+ Nông - Lâm - Thủy sản	%	1,05	2,69	0,10	0,81	0,55	1,13
	+ Công Nghiệp - Xây dựng	%	9,14	8,08	9,67	9,05	9,20	9,71
	Riêng Công nghiệp	%	10,04	8,09	10,65	10,71	10,06	10,67
	+ Dịch vụ	%	10,14	7,23	9,61	11,21	11,26	11,48
	+ Thuế NK, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	10,33	10,26	10,34	9,38	11,43	10,26
	Trong đó: -Giá trị Gia tăng GRDP	Tỷ đồng	97.822,0	73.098,70	77.916,23	83.788,74	90.317,19	97.822,01
	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	%	35-40					35-40
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng		58,9				86,47
		USD	3.485					
3	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)	%	100	100	100	100	100	100
	+ Nông - Lâm - Thủy sản	%	25,2	31,51	28,77	27,46	26,28	25,18
	+ Công Nghiệp - Xây dựng	%	19,8	21,83	19,70	19,75	19,78	19,83
	+ Dịch vụ	%	49,37	42,56	46,68	47,70	48,61	49,39
	+ Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%	5,63	4,11	4,85	5,09	5,34	5,60
4	Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản (Giá SS2010)	%	1,76	3,16	bq 1%	bq 1%	bq 1%	bq 1%
5	Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp (Giá SS2010)	%	8	8,20%	bq 8,0%	bq 8,0%	bq 8,0%	bq 8,0%
6	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (Giá Hiện hành)	%	10	12%	bq 10%	bq 10%	bq 10%	bq 10%
7	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	73.645,00	11.560,00	13.600,00	14.635,00	15.770,00	17.000,00
8	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	267.128,00	45.699,00	51.058,59	53.511,63	55.877,92	58.153,54
9	Tỷ lệ đô thị hóa	%	41,45	32,19	34,5	36,82	39,14	41,45
<b>II.</b>	<b>VỀ XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>							
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia	%	60	47	54	56	58	60
11	Tỷ lệ huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường	%	97	>97	>97	>97	>97	>97
12	Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	>95	95	95	95	95	95
13	Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân	Bác sĩ	10,31	9,62	9,8	9,97	10,14	10,31
15	Tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân	Giường	33,49	31,21				33,49
16	Số lượt lao động được giải quyết việc làm	lượt người	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
17	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75	69	71	72	73	75
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	52,5	50,5	51	51,5	52	52,5
18	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	2	duy trì dưới 3%	duy trì dưới 3%	duy trì dưới 3%	duy trì dưới 3%	duy trì dưới 3%
19	Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới	xã	100% xã	88				100% xã
	Trong đó: Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao	xã	30					30
	Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	xã	15					15
20	Số huyện đạt tiêu chí NTM	huyện	7-9	5	6	7	8	9

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2021 - 2025	Kế hoạch các năm				
				2021	2022	2023	2024	2025
21	Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch	%	90	88,15	87,54	88,77	89,38	90
22	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch	%	65	61	62	63	64	65
23	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	90	>90	>90	>90	>90	>90
24	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	90	93				
	<i>Trong đó: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế</i>	%	<i>100</i>	<i>98</i>	<i>&gt;98</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
25	Tỷ lệ che phủ rừng	%	11	11	11	11	11	11



**Phụ lục**  
**MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THEO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 80 /KH-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)*

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
1	Lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	2022	Chính phủ
2	Báo cáo tổng kết và xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
3	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	UBND tỉnh
4	Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	UBND tỉnh
5	Danh mục dự án ưu tiên kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025 và những năm tiếp theo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
6	Kế hoạch tính toán chỉ số về hiệu quả nền kinh tế dựa trên các yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2024	UBND tỉnh



STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
7	Đề án xây dựng chính quyền số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh
8	Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2021-2025	Trung tâm XTĐTTMDL	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
9	Kết quả thực hiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 – 2020 và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025	Trung tâm XTĐTTMDL	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
11	Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh
12	Kế hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
13	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện chiến lược phát triển năng lượng Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	UBND tỉnh
14	Chương trình đầu tư hạ tầng phát triển cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
15	Kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh



STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
16	Chương trình khuyến công tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	UBND tỉnh
17	Báo cáo sơ kết Chương trình phát triển đô thị tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2025	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
18	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
19	Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển Đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020-2025 định hướng 2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
20	Rà soát, điều chỉnh bổ sung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
21	Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
22	Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	UBND tỉnh
23	Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2022	UBND tỉnh

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
24	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV /2021	UBND tỉnh
25	Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
26	Đề án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, bờ sông, giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
27	Đề án thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
28	Báo cáo sơ kết Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 16/11/2017 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
29	Kế hoạch triển khai Đề án “Cơ cấu lại ngành Du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang” giai đoạn 2021-2025	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
30	Đề án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh
31	Đề án phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh



STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
32	Xây dựng và triển khai Đề án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nhất là giao thông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2026 và giai đoạn tiếp theo	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
33	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban dân tộc tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
34	Đề án bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, nước thải giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
35	Báo cáo sơ kết Chương trình hành động số 47-CTr/TU, ngày 21-02-2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
36	Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
37	Kế hoạch tuyên truyền về biển, hải đảo; phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/ 2021	UBND tỉnh
38	Chương trình quản lý tài nguyên vùng bờ tỉnh Kiên Giang	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2023	UBND tỉnh

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
39	Kế hoạch về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Đã ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 13/11/2020	UBND tỉnh
40	Lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Kiên Giang	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	Chính phủ
41	Lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2021-2025), kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
42	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất nông nghiệp bền vững với quy mô lớn, thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025 (dưới dạng Chương trình hoặc Đề án Khoa học & Công nghệ)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh
43	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 08/4/2021	UBND tỉnh
44	Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh
46	Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	UBND tỉnh

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
46	Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động do lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	UBND tỉnh
47	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 01-Ctr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	<i>Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/3/2021</i>	UBND tỉnh
48	Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh
49	Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
50	Đề án tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất khoa học và công nghệ tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
51	Triển khai Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	UBND tỉnh
52	Đề án nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa ở cơ sở giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
53	Kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
54	Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
55	Kế hoạch phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh
56	Đề án bảo vệ và phát huy giá trị nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	UBND tỉnh
57	Báo cáo tổng kết Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
58	Báo cáo tổng kết Đề án xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
59	Xây dựng đề án tăng cường cơ sở vật chất thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
60	Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh



STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
61	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
62	Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động làm việc trong Khu, Cụm công nghiệp và Khu du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021	Sở LĐTB&XH	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
63	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở LĐTB&XH	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
64	Kế hoạch về việc làm tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025	Sở LĐTB&XH	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
65	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình về an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở LĐTB&XH	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
66	Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược dân số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
67	Đề án nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất hệ thống cơ sở khám chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
68	Xây dựng và triển khai Đề án “Xây dựng hệ thống điều hành thông minh mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh”	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh





STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
69	Kế hoạch thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chuẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
70	Kế hoạch đảm bảo An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
71	Kế hoạch quản lý chất thải y tế tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
72	Đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
73	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2021-2025 theo vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
74	Đề án về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính tỉnh Kiên Giang	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
75	Kế hoạch triển khai Quyết định số 893/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	<i>Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 23/10/2020</i>	UBND tỉnh
76	Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
77	Xây dựng và triển khai Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 – 2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
78	Tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	UBND tỉnh
79	Xây dựng Đề án, quy hoạch xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	2021	UBND tỉnh
80	Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện, nội dung, hình thức theo Mệnh lệnh huấn luyện chiến dịch của Tư lệnh Quân khu giao hàng năm.	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	2021, 2022, 2023, 2024	UBND tỉnh
81	Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 29/07/2016	UBND tỉnh
82	Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 2060/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý III/2021	UBND tỉnh